

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2025)
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên Hội đồng quản trị	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2025)

Ủy Ban kiểm toán

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2025)
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2025)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng kiêm người Quản trị Công ty

Người công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Phụng – Trưởng Bộ phận Nội chính.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Số: 831/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 07 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.741.657.366	32.803.561.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	814.033.426	52.360.005
Tiền	111		814.033.426	52.360.005
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.792.509.113	32.418.954.964
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.563.977.780	1.549.392.870
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		679.354.252	679.354.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	36.248.629.075	35.889.659.836
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.699.451.994)	(5.699.451.994)
Hàng tồn kho	140		2.558.333	9.116.662
Hàng tồn kho	141		2.558.333	9.116.662
Tài sản ngắn hạn khác	150		132.556.494	323.129.993
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.556.494	132.556.494
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	190.573.499
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.358.139.382	83.476.190.639
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	9.621.948.409	9.621.948.409
Tài sản cố định	220		3.726.804.610	3.854.242.230
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.726.804.610	3.854.242.230
- Nguyên giá	222		14.659.297.155	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.932.492.545)	(10.805.054.925)
Tài sản cố định vô hình	227	5	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
Tài sản dài hạn khác	260		9.386.363	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		9.386.363	-
TỔNG TÀI SẢN	270		117.099.796.748	116.279.752.263

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.984.234.951	18.139.901.744
Nợ ngắn hạn	310		17.445.234.951	17.600.901.744
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	10.254.584.092	10.252.860.217
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	473.220.471	369.177.667
Phải trả người lao động	314		1.177.375.018	1.176.228.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	1.770.298.875	1.733.276.452
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	3.719.221.896	4.018.824.791
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.534.599	50.534.599
Nợ dài hạn	330		539.000.000	539.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	13	539.000.000	539.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.115.561.797	98.139.850.519
Vốn chủ sở hữu	410	15	99.115.561.797	98.139.850.519
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	162.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(63.967.367.141)	(64.943.078.419)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(64.943.078.419)	(68.520.748.631)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		975.711.278	3.577.670.212
TỔNG NGUỒN VỐN	440		117.099.796.748	116.279.752.263

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Phụng

Nguyễn Thị Thu Hà

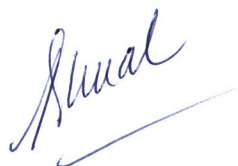
Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	2.353.715.574	670.322.419
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.353.715.574	670.322.419
Giá vốn hàng bán	11	18	70.321.822	55.712.863
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.283.393.752	614.609.556
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	357.903.473	1.746.943.231
Chi phí tài chính	22		54.600.197	81.614.061
Chi phí bán hàng	25	20	-	15.714.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.389.048.740	1.121.510.712
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.197.648.288	1.142.713.771
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		54.000.000	42.000.000
Lợi nhuận khác	40		(54.000.000)	(42.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.143.648.288	1.100.713.771
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	167.937.010	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		975.711.278	1.100.713.771

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.143.648.288	1.100.713.771
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		127.437.620	166.326.471
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		54.600.197	81.614.061
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(357.903.473)	(1.746.943.231)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		967.782.632	(398.288.928)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		174.782.589	118.280.600
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.558.329	14.170.836
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(324.478.873)	669.721.920
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.386.363)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(42.997.854)	(149.794.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		772.260.460	254.089.754
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.727.273)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		140.234	31.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.587.039)	31.558
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		761.673.421	254.121.312
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	52.360.005	155.243.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	637.739
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	814.033.426	410.002.340

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Phụng

Nguyễn Thị Thu Hà

Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/06/2000 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 14/07/2025.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 04 người (tại ngày 01/01/2025 là 04 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, hoạt động chính của Công ty là cho thuê địa điểm kinh doanh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1 có trụ sở chính tại thôn Bình Lương, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được UBCK chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	775.016.063	22.095.992
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.017.363	30.264.013
Cộng	814.033.426	52.360.005

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Total
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	59.500.000	59.500.000
30/06/2025	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(59.500.000)	(59.500.000)
30/06/2025	(59.500.000)	(59.500.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
30/06/2025	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

30/06/2025				01/01/2025			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư vào công ty con	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)	
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)	
Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	(866.640.000)	(*)	866.640.000	(866.640.000)	(*)	
+ Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)	(*)	866.640.000	(866.640.000)	(*)	
Cộng	70.866.640.000	(866.640.000)		70.866.640.000	(866.640.000)		

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương I trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.

(*) Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

30/06/2025				01/01/2025			
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	
a) Ngắn hạn	1.563.977.780	(1.513.702.150)	1.549.392.870	1.549.392.870	(1.513.702.150)		
- Công ty CP giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	79.818.093	(79.818.093)		
- Các khách hàng khác	1.484.159.687	(1.433.884.057)	1.469.574.777	1.469.574.777	(1.433.884.057)		
b) Dài hạn	9.621.948.409	-	9.621.948.409	9.621.948.409	-		
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	9.621.948.409	-	9.621.948.409	9.621.948.409	-		
Cộng	11.185.926.189	(1.513.702.150)	11.171.341.279	11.171.341.279	(1.513.702.150)		

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 24.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	36.248.629.075	(3.506.395.592)	35.889.659.836	(3.506.395.592)
- Phải thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.206.000	-	-	-
- Phải thu khác	36.247.423.075	(3.506.395.592)	35.889.659.836	(3.506.395.592)
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	32.103.647.775	-	31.745.884.536	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	(1.493.341.592)	1.493.341.592	(1.493.341.592)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	36.248.629.075	(3.506.395.592)	35.889.659.836	(3.506.395.592)

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 24.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

9. NỢ XẤU

	30/06/2025				01/01/2025			
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi		Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán								
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	-	1.513.702.150	1.513.702.150	-	-	1.513.702.150
+ Ông Trần Văn Điệp	65.276.477	-	-	65.276.477	65.276.477	-	-	65.276.477
+ Ông Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	-	29.920.213	29.920.213	-	-	29.920.213
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	-	-	1.418.505.460	1.418.505.460	-	-	1.418.505.460
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	-	679.354.252	679.354.252	-	-	679.354.252
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	-	549.354.252	549.354.252	-	-	549.354.252
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	-	130.000.000	130.000.000	-	-	130.000.000
Phải thu khác	3.506.395.592	-	-	3.506.395.592	3.506.395.592	-	-	3.506.395.592
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	-	629.034.000	629.034.000	-	-	629.034.000
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	-	912.020.000	912.020.000	-	-	912.020.000
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	-	-	472.000.000	472.000.000	-	-	472.000.000
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	-	-	1.493.341.592	1.493.341.592	-	-	1.493.341.592
Cộng	5.699.451.994	-	-	5.699.451.994	5.699.451.994	-	-	5.699.451.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, VND	Thiết bị dụng cụ VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
30/06/2025	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(5.075.647.200)	(2.659.690.690)	(2.263.650.080)	(806.066.955)	(10.805.054.925)
- Khấu hao trong kỳ	(119.040.098)	-	-	(8.397.522)	(127.437.620)
30/06/2025	(5.194.687.298)	(2.659.690.690)	(2.263.650.080)	(814.464.477)	(10.932.492.545)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	3.787.062.101	-	-	67.180.129	3.854.242.230
30/06/2025	3.668.022.003	-	-	58.782.607	3.726.804.610

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 8.647.104.537 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 8.539.387.537 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.254.584.092	10.252.860.217
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	1.824.287.641	1.994.287.641
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh Công nghiệp nhẹ Trung Quốc	2.050.436.588	1.995.836.391
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
- Các nhà cung cấp khác	3.880.536.320	3.763.412.642
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.254.584.092	10.252.860.217

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1.**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.770.298.875	1.733.276.452
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.404.500	1.666.406.500
- Tiền thù lao	54.000.000	-
- Các khoản trích trước khác	49.894.375	66.869.952
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.770.298.875	1.733.276.452

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.719.221.896	4.018.824.791
- Kinh phí công đoàn	36.220.883	36.220.883
- Bảo hiểm y tế	397.105	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.682.603.908	3.982.603.908
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	390.212.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	300.000.000
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	1.370.604.981
+ Bà Nguyễn Thị Phương	546.956.522	546.956.522
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	747.785.260
+ Các đối tượng khác	490.321.308	490.321.308
b) Dài hạn	539.000.000	539.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	539.000.000	539.000.000
Cộng	4.258.221.896	4.557.824.791

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	234.895.640	200.773.316	213.748.668	221.920.288
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.997.854	167.937.010	42.997.854	167.937.010
- Thuế thu nhập cá nhân	10.161.875	23.191.875	31.112.875	2.240.875
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	81.122.298	4.000.000	4.000.000	81.122.298
Cộng	369.177.667	395.902.201	291.859.397	473.220.471
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	190.573.499	441.673.152	251.099.653	-
Cộng	190.573.499	441.673.152	251.099.653	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(68.520.748.631)	94.562.180.307
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.577.670.212	3.577.670.212
31/12/2024	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(64.943.078.419)	98.139.850.519
01/01/2025	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(64.943.078.419)	98.139.850.519
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	975.711.278	975.711.278
30/06/2025	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(63.967.367.141)	99.115.561.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**15.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
- Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Chu Văn Chung	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	85.797.070.000	85.797.070.000
- Cổ phiếu quỹ	130.000	130.000
Cộng	162.499.690.000	162.499.690.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	162.499.690.000	162.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	16.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	16.249.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.249.969	16.249.969
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13	13
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

15.5 CÁC QUỸ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	377,88	540,47

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.353.715.574	670.322.419
Cộng	2.353.715.574	670.322.419

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.321.822	55.712.863
Cộng	70.321.822	55.712.863

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	140.234	31.558
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	357.763.239	1.746.911.673
Cộng	357.903.473	1.746.943.231

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.389.048.740	1.121.510.712
- Chi phí nhân viên quản lý	418.804.105	351.290.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	16.028.239	29.418.336
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	57.115.798	94.899.365
- Thuế, phí và lệ phí	445.673.152	331.499.253
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.174.774	102.056.578
- Chi phí bằng tiền khác	305.252.672	212.347.180
b) Các khoản chi phí bán hàng	-	15.714.243
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	15.714.243
Cộng	1.389.048.740	1.137.224.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	16.028.239	29.418.336
- Chi phí nhân công	418.804.105	351.290.000
- Khấu hao tài sản cố định	127.437.620	166.326.471
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.174.774	102.056.578
- Chi phí bằng tiền khác	750.925.824	543.846.433
Cộng	1.459.370.562	1.192.937.818

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.143.648.288	1.100.713.771
Các khoản chi phí không được khấu trừ	53.800.000	51.800.000
- Tiền lương và phụ cấp HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	42.000.000	42.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	11.800.000	9.800.000
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	357.763.239	1.746.911.673
- Cổ tức lợi nhuận được chia	357.763.239	1.746.911.673
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	839.685.049	(594.397.902)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	167.937.010	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	167.937.010	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lợi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

24. THÔNG TIN KHÁC**24.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	Công ty con
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

24. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

24.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Ủy viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Bùi Hương Liên	Ủy viên HĐQT	-	8.000.000
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/04/2025)	8.000.000	4.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/04/2025)	4.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Người quản trị Công ty	12.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng	9.621.948.409	9.621.948.409
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu khác	32.103.647.775	31.745.884.536
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	32.103.647.775	31.745.884.536
Phải trả người bán	2.499.323.543	2.499.323.543
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
Phải trả khác	-	300.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	300.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1		
Chuyển tiền	-	100.000.000
Lợi nhuận được chia	357.763.239	1.746.911.673
Ông Nguyễn Anh Tuấn		
Chuyển tiền	300.000.000	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

24. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

24.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

TU VẤN UHY